

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/7/2019 và bản tự khai, nguyên đơn anh Lê Văn K trình bày: Anh và chị T kết hôn với nhau vào ngày 24/3/2013, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Thiệu K, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hiểu nhau, quan điểm sống không phù hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bắt nguồn từ việc anh có sai lầm trong thời gian đi lao động nước ngoài anh có quan hệ với người phụ nữ khác. Thời gian về nước, anh đã chấm dứt quan hệ với người phụ nữ đó 01 năm, nhưng chị T không tha thứ để anh có cơ hội xây dựng cuộc sống chung vợ chồng. Từ cuối năm 2017 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau. Chị T cùng con gái đầu trở về nhà mẹ đẻ tại xóm 2, xã Nga A sinh sống, khi đó chị T đang mang bầu cháu thứ hai. Trong thời gian sống ly thân, anh có xuống thăm mẹ con nhưng chị T cương quyết không muốn trở về sinh sống cùng anh. Nay xét thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì, anh K đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị T theo

quy định; Về con: vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Khánh H, sinh ngày 22/9/2013 và Lê Thị Khánh V, sinh ngày 18/5/2018. Hiện tại các con đang ở cùng chị T. Sau ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu H, giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; Về tài sản: vợ chồng không có tài sản gì chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn chị Phạm Thị Ngọc T trình bày: về hôn nhân chị thống nhất về ngày tháng năm kết hôn, cơ sở việc kết hôn. Tuy nhiên, trong cuộc sống chung vợ chồng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh K trong thời gian đi lao động xuất khẩu đã chung sống với người phụ nữ khác. Chị cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh K không từ bỏ. Khi anh về nước vẫn tiếp tục chung sống như vợ chồng với người phụ nữ đó. Từ tháng 10/2017 cho đến nay, chị và anh K đã sống ly thân nhau. Chị và con đã về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ như anh K đã trình bày. Trong thời gian sống ly thân, anh K có xuống thăm mẹ con và cũng có ý định khuyên chị trở về chung sống. Nhưng thực tế, anh không chấm dứt quan hệ với người phụ nữ đó nên chị không đồng ý việc vợ chồng trở về đoàn tụ. Nay anh K đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị, chị cũng hoàn toàn đồng ý. Về con vợ chồng có 02 con chung như anh K trình bày là đúng. Hai con hiện đang sinh sống ổn định cùng chị. Cháu H bị bệnh từ nhỏ, đang điều trị theo chỉ định của bác sỹ, cần có sự chăm sóc cháu để có sức khỏe phát triển như những đứa trẻ bình thường và hiện tại cháu H đang học lớp 1 trường tiểu học xã Nga A; cháu V thì còn nhỏ. Sau ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chị thống nhất như ý kiến anh K, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự thống nhất về ly hôn, không yêu cầu về tài sản; không thống nhất về người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, anh K vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị T; về con anh đề nghị được nuôi cháu H với lý do các cháu là con chung của vợ chồng nên sau ly hôn cả hai đều phải có trách nhiệm chăm sóc các con. Đối với cháu H bị bệnh tật, nhưng đã điều trị ổn định. Anh có đủ khả năng để chăm sóc con phát triển bình thường. Do đó, anh yêu cầu giải quyết để mỗi người được nuôi 01 con, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản anh không yêu cầu giải quyết. Đối với bị đơn chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn; không yêu cầu về tài sản; về con chị đề nghị được nuôi cả 02 con như đã trình bày và không yêu cầu anh K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn K và chị Phạm Thị Ngọc T; về con giao cháu Lê Thị Khánh H, sinh ngày 22/9/2013 và Lê Thị Khánh V, sinh ngày 18/5/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu; về án phí anh K phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Văn K và chị Phạm Thị Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo các đương sự trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, quan điểm sống bất đồng từ việc anh K có quan hệ với người phụ nữ khác, anh K đã chủ động chia tay người phụ nữ đó để mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng chị T không chấp nhận. Thực tế, chị T cùng các con sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ tại xã Nga A từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay anh K đề nghị giải quyết ly hôn, chị T hoàn toàn đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì được, anh Lê Văn K và chị Phạm Thị Ngọc T thuận tình ly hôn nên được chấp nhận xem xét.

[2] Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Khánh H, sinh ngày 22/9/2013 và Lê Thị Khánh V, sinh ngày 18/5/2018. Hiện tại 02 cháu đều đang ở cùng chị T. Sau ly hôn, anh K đề nghị nuôi cháu H, giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với bị đơn: Chị T đề nghị được nuôi 2 con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Với lý do chị có công việc ổn định, thu nhập 8.700.000đ/ tháng. Từ trước đến nay các cháu đều đang ở ổn định cùng chị, cháu H bị bệnh từ nhỏ đang điều trị theo chỉ định của bác sỹ, cháu V còn quá nhỏ.

Xét việc đề nghị xin được nuôi con của các đương sự là chính đáng, các bên đều là lao động tự do, có thu nhập từ công việc của mình. Tuy nhiên, các cháu H, V đều đang ở ổn định cùng chị T từ năm 2017, chị T là người trực tiếp chăm sóc các con. Mặt khác, cháu H bị bệnh tật, ốm đau, đang điều trị theo chỉ định của bác sỹ; cháu V đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ về mọi mặt để cho các cháu ổn định cuộc sống. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đề nghị của chị T về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu. Sau ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản: Anh K, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh Lê Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn K và chị Phạm Thị Ngọc T.

2. Về con: Giao 02 cháu là Lê Thị Khánh H, sinh ngày 22/9/2013 và Lê Thị Khánh V, sinh ngày 18/5/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Anh K có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3 Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Anh Lê Văn K phải chịu án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2018/0005890 ngày 22/7/2019 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, anh K đã nộp đủ án phí DSST.

Bản án này là sơ thẩm. Anh K, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Thiệu K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ

